

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

**Quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận
giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Cây trồng lâm nghiệp* là những loài cây gỗ và lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và trồng phân tán.
- Nguồn giống* là nơi cung cấp vật liệu nhân giống bao gồm: lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn giống, cây trội và vườn cây đầu dòng.
- Lâm phần tuyển chọn* là khu rừng tự nhiên hoặc rừng trồng có chất lượng trên mức trung bình, được chọn để cung cấp hạt giống tạm thời cho sản xuất, nhưng chưa được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh.

4. *Rừng giống chuyển hóa* là rừng giống được chọn từ những lâm phần tốt nhất trong rừng tự nhiên hoặc rừng trồng được tác động bằng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh theo quy định để lấy vật liệu nhân giống.

5. *Rừng giống trồng* là rừng giống được trồng không theo sơ đồ bằng cây gieo ươm từ hạt thu hái từ cây trội và trồng không theo sơ đồ.

6. *Vườn giống* là vườn được trồng theo sơ đồ nhất định từ các dòng vô tính (vườn giống vô tính) hoặc từ hạt của cây trội (vườn giống hữu tính) đã được tuyển chọn và công nhận.

7. *Cây trội* là cây tốt nhất được tuyển chọn trong rừng tự nhiên, rừng trồng, cây trồng phân tán, rừng giống hoặc vườn giống được sử dụng để lấy vật liệu nhân giống.

8. *Cây đầu dòng* là cây có năng suất, chất lượng cao và ổn định, có khả năng chống chịu sâu bệnh hại và điều kiện bất lợi tốt hơn các cây khác trong quần thể một giống được công nhận qua khảo nghiệm dòng vô tính để cung cấp vật liệu nhân giống vô tính.

9. *Vườn cây đầu dòng* là vườn cây được trồng bằng cây giống vô tính nhân từ cây đầu dòng để cung cấp vật liệu sản xuất giống vô tính.

10. *Trồng thử nghiệm* là việc trồng thử trên một đơn vị diện tích và thời gian nhất định để đánh giá năng suất, chất lượng của giống trồng thử nghiệm so với giống đối chứng.

11. *Loài cây sinh trưởng nhanh* là những loài cây đạt lượng tăng trưởng đường kính bình quân hàng năm từ 02 cm/năm trở lên hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh đạt từ 10 m³/ha/năm trở lên.

12. *Loài cây sinh trưởng chậm* là những loài cây đạt lượng tăng trưởng đường kính bình quân hàng năm dưới 02 cm/năm hoặc năng suất bình quân trong một chu kỳ kinh doanh dưới 10 m³/ha/năm.

Chương II

LOÀI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH; CÔNG NHẬN VÀ HỦY BỎ GIỐNG, NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Mục 1

LOÀI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

Điều 4. Danh mục và sửa đổi, bổ sung danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính theo Phụ lục I của Thông tư này.

2. Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính được sửa đổi, bổ sung trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung vào danh mục khi có loài cây mới đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp;

b) Loại bỏ khỏi danh mục đối với loài cây không còn đáp ứng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

Mục 2

CÔNG NHẬN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 5. Hình thức, tiêu chí công nhận và hủy bỏ công nhận giống giống cây trồng lâm nghiệp

1. Hình thức công nhận: Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới chọn tạo và công nhận mở rộng vùng trồng đối với giống cây trồng lâm nghiệp đã được công nhận.

2. Tiêu chí công nhận giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm:

a) Giống đã khảo nghiệm theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 27/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp hoặc đã trồng thử nghiệm theo quy định tại Điều 6 của Thông tư này;

b) Kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận, có năng suất, chất lượng tương đương trở lên so với giống cùng loài hoặc nhóm loài đã công nhận được trồng trong cùng một vùng sinh thái;

3. Tiêu chí hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp bao gồm:

a) Giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận;

b) Giống không đáp ứng mục đích, yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trồng rừng.

Điều 6. Trồng thử nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

1. Đối tượng trồng thử nghiệm: giống cây bản địa; giống cây trồng lâm nghiệp chưa được công nhận; giống cây trồng mới đã được công nhận trồng thử nghiệm ở vùng sinh thái khác; giống nhập khẩu lần đầu có năng suất, chất lượng cao tại nước xuất khẩu, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và phù hợp với điều kiện sinh thái nơi trồng thử nghiệm.

2. Diện tích trồng thử nghiệm tối thiểu 02 ha (hai héc ta).

3. Thời gian đánh giá kết quả trồng thử nghiệm: Đối với cây sinh trưởng nhanh là 03 năm (ba mươi sáu tháng); cây sinh trưởng chậm là 06 năm (bảy mươi hai tháng); cây lâm sản ngoài gỗ có sản phẩm theo mục tiêu chọn giống được thu hoạch ổn định trong 02 vụ kế tiếp.

Điều 7. Trình tự, thủ tục công nhận và hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

1. Thẩm quyền: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp của tổ chức, cá nhân bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống hoặc trồng thử nghiệm theo Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hồ sơ, tài liệu đối với giống nhập khẩu gồm các thông tin về năng suất, chất lượng, điều kiện sinh thái nơi lấy giống hoặc nơi khảo nghiệm tại nước xuất khẩu.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp của tổ chức, cá nhân bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hủy bỏ giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo đánh giá giống đề nghị hủy bỏ theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

5. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận hoặc hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này đến Tổng cục Lâm nghiệp. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Tổng cục Lâm nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp thành lập Hội đồng thẩm định, tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường, lập báo cáo thẩm định trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hội đồng thẩm định gồm đại diện chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan quản lý;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận hoặc hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 05 Phụ lục II và Mục A Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và công bố trên Website của Tổng cục Lâm nghiệp hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không công nhận hoặc không hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp và nêu rõ lý do.

Mục 3

CÔNG NHẬN NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

Điều 8. Tiêu chí công nhận và hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

1. Tiêu chí công nhận nguồn giống: Nguồn giống đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống được công nhận.

2. Tiêu chí hủy bỏ công nhận nguồn giống bao gồm:

a) Nguồn giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống được công nhận;

b) Nguồn giống không đáp ứng mục đích, yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trồng rừng.

Điều 9. Trình tự, thủ tục công nhận và hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

1. Thẩm quyền: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận và hủy bỏ công nhận nguồn giống tại địa phương.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận nguồn giống của tổ chức, cá nhân bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống theo Mẫu số 08 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp của tổ chức, cá nhân bao gồm:

a) Văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo đánh giá nguồn giống đề nghị hủy bỏ theo Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Cách thức nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến.

5. Trình tự thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu công nhận hoặc hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này đến Chi cục Kiểm lâm. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn trực tiếp hoặc bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thành lập Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường và lập báo cáo thẩm định trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hội đồng thẩm định gồm đại diện chuyên gia, nhà khoa học, cơ quan quản lý;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận hoặc hủy bỏ nguồn giống theo Mẫu số 10 Phụ lục II và Mục B Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và công bố trên Website của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không công nhận hoặc không hủy bỏ công nhận nguồn giống và nêu rõ lý do.

5. Thời hạn của Quyết định công nhận nguồn giống:

a) Đối với vườn giống là 15 năm;

b) Rừng giống trồng là 07 năm;

c) Rừng giống chuyển hóa và lâm phần tuyển chọn là 05 năm;

d) Cây trội và vườn cây đầu dòng cung cấp vật liệu ghép là 10 năm;

đ) Vườn cây đầu dòng cung cấp hom cây mọc nhanh là 03 năm.

6. Sau thời hạn sử dụng quy định tại khoản 5 Điều này, các nguồn giống muốn tiếp tục sử dụng phải được đánh giá và công nhận lại theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này. Đối với vườn cây đầu dòng cung cấp hom cây mọc nhanh không thực hiện công nhận lại.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng cục Lâm nghiệp:

a) Tổng cục Lâm nghiệp trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh loài cây trồng lâm nghiệp chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

b) Tổng hợp, công bố danh mục giống và nguồn giống được công nhận hoặc hủy bỏ quyết định công nhận;

c) Kiểm tra, thanh tra hoạt động quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp của các địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên phạm vi cả nước theo thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Hướng dẫn quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả giống và nguồn giống được công nhận;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các tiêu chuẩn về giống cây trồng lâm nghiệp;

c) Thường xuyên cập nhật, công bố công khai danh mục nguồn giống được công nhận hoặc hủy bỏ quyết định công nhận, trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thông báo cho Tổng cục Lâm nghiệp về việc công nhận hoặc hủy bỏ quyết định công nhận nguồn giống ngay sau khi ban hành quyết định;

d) Trước ngày 31 tháng 12 hàng năm, báo cáo Tổng cục Lâm nghiệp về tình hình sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn;

đ) Kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân:

a) Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giống cây trồng lâm nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh, đảm bảo chất lượng giống theo quy định;

b) Chấp hành việc kiểm tra và xử lý của cơ quan nhà nước chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được cơ quan có thẩm quyền công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn sử dụng theo quyết định đã công nhận.

2. Các trường hợp đã nộp hồ sơ đề nghị công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng chưa được công nhận, thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Thông tư số 30/218/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định Danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Những văn bản quy phạm pháp luật và các tiêu chuẩn viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị liên quan thuộc Bộ NN&PTNT;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ NN&PTNT;
- Lưu: VP, TCLN (300 bản).

BỘ TRƯỞNG

Lê Minh Hoan

Phụ lục I
DANH MỤC LOÀI CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Bạch đàn camal (*Eucalyptus camaldulensis*)
2. Bạch đàn lai (*Eucalyptus hybrid*)
3. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake)
4. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd)
5. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth)
6. Keo lai (*Acacia hybrid*)
7. Keo lười liềm (*Acacia crasscarpa* A.Cunn. ex Benth)
8. Mỡ (*Mangletia conifera* Dandy)
9. Bồ đề (*Styrax tonkinensis* Piere)
10. Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook)
11. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb)
12. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb)
13. Thông mã vĩ (*Pinus massoniana* Lamb)
14. Thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon)
15. Thông nhựa (*Pinus merkusii* Junght. et de Vries)
16. Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A.Juss)
17. Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv)
18. Giổi xanh (*Michelia mediocris* Dandy)
19. Trôm (*Sterculia foetida* L)
20. Quế (*Cinamomum cassia* Presl)
21. Hồi (*Illicium verum* Hook.f)
22. Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. Et Betché)
23. Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec)

24. Trám trắng (*Canarium album* (Lour) Raeusch)
 25. Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Ykovl)
 26. Tràm lá dài (*Melaleuca leucadendra* L)
 27. Tràm cừ (*Melaleuca cajuputi* Powell)
 28. Bần chua (*Sonneratia caseolaris* (L.) Engler)
 29. Đước (*Rhizophora apiculata* Blume)
 30. Vẹt (*Bruguiera* sp).
-

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU CÔNG NHẬN HOẶC HỦY BỎ CÔNG NHẬN GIỐNG,
NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Mẫu số 01. Văn bản đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 02. Văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 03. Báo cáo kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 04. Báo cáo đánh giá giống đề nghị hủy bỏ công nhận.

Mẫu số 05. Quyết định công nhận/hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 06. Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 07. Văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 08. Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

Mẫu số 09. Báo cáo đánh giá nguồn giống đề nghị hủy bỏ công nhận.

Mẫu số 10. Quyết định công nhận/hủy bỏ công nhận nguồn giống.

Mẫu số 01: Văn bản đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: /.....

V/v công nhận giống cây trồng
lâm nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... .., ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Tổng cục Lâm nghiệp

Căn cứ kết quả khảo nghiệm giống (hoặc trồng thử nghiệm giống) cây trồng lâm nghiệp, chúng tôi làm văn bản này đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng lâm nghiệp như sau:

Tên chủ sở hữu giống: (tổ chức, cá nhân)	
Địa chỉ: (kèm số Điện thoại/Fax/E-mail nếu có)	
Tên giống cây trồng lâm nghiệp	1.Tên khoa học: 2.Tên Việt Nam: 3.Mã số thí nghiệm: 4.Tổ hợp lai: 5.Xuất xứ: 6.Giống đột biến:
Lý lịch giống	☐ Giống nhập nội ☐ Giống tuyển chọn ☐ Giống lai tạo và công thức lai ☐ Cây đầu dòng chọn từ: - Rừng tự nhiên - Rừng trồng - Tổ hợp lai nhân tạo - Lai tự nhiên.
Tóm tắt tóm trình chọn, tạo; khảo nghiệm (trong phòng, ngoài thực địa):	- Địa điểm - Thời gian - Điều kiện lập địa - Quy mô diện tích - Số lần lặp
Những đặc điểm ưu việt của giống so với giống hiện hành ở thời điểm đề nghị công nhận	- Sinh trưởng - Năng suất - Chất lượng - Khả năng chống chịu

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02: Văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: /.....

V/v hủy bỏ công nhận giống
cây trồng lâm nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... .., ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Tổng cục Lâm nghiệp

Căn cứ kết quả đánh giá việc sử dụng giống cây trồng lâm nghiệp, chúng tôi làm văn bản này đề nghị Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định và trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp như sau:

Tên chủ sở hữu giống: (tổ chức, cá nhân)	
Địa chỉ: (kèm số Điện thoại/Fax/E-mail nếu có)	
Tên giống cây trồng lâm nghiệp	1.Tên khoa học: 2.Tên Việt Nam: 3.Mã số thí nghiệm: 4.Tổ hợp lai: 5.Xuất xứ: 6.Giống đột biến:
Lý lịch giống	☐ Giống nhập nội ☐ Giống tuyển chọn ☐ Giống lai tạo và công thức lai ☐ Cây đầu dòng chọn từ: - Rừng tự nhiên - Rừng trồng - Tổ hợp lai nhân tạo - Lai tự nhiên.
Tóm tắt tóm thông tin về điều kiện trồng, quy mô trồng của giống đề nghị hủy bỏ	- Địa điểm - Thời gian - Điều kiện lập địa - Quy mô diện tích - Số lần lặp
Những đặc điểm suy thoái của giống đề nghị hủy bỏ	- Sinh trưởng - Năng suất - Chất lượng - Khả năng chống chịu

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03: Báo cáo kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /..... , ngày tháng năm 20...

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRỒNG KHẢO NGHIỆM
HOẶC TRỒNG THỬ NGHIỆM**

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

II. VẬT LIỆU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP

1. Vật liệu trồng khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm
2. Thời gian trồng khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm
3. Địa điểm và điều kiện khí hậu, đất đai nơi trồng khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm.
 - 3.1. Địa điểm khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm
 - 3.2. Điều kiện khí hậu và đất đai khu vực khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm
4. Phương pháp nghiên cứu
 - 4.1. Thiết kế khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm
 - 4.2. Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng trong khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm.
 - 4.3. Thu thập và xử lý số liệu

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

(Tập trung đánh giá các chỉ tiêu để xác định tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định, giá trị canh tác, giá trị sử dụng của giống cây trồng lâm nghiệp đề nghị công nhận)

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

- 4.1. Kết luận
- 4.2. Đề nghị

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04: Báo đánh giá giống đề nghị hủy bỏ công nhận giống

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN Số: /.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc , ngày tháng năm 20...
---	--

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ GIỐNG ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ CÔNG NHẬN GIỐNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ**II. VẬT LIỆU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP**

1. Vật liệu trồng
2. Thời gian trồng
3. Địa điểm và điều kiện khí hậu, đất đai nơi trồng.
 - 3.1. Địa điểm nơi trồng
 - 3.2. Điều kiện khí hậu và đất đai khu vực trồng
4. Phương pháp nghiên cứu
 - 4.1. Thiết kế trồng
 - 4.2. Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh áp dụng trồng rừng.
 - 4.3. Thu thập và xử lý số liệu

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

(Tập trung đánh giá kết quả sử dụng đối với giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận hoặc không đáp ứng mục đích, yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trồng rừng)

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

- 4.1. Kết luận
- 4.2. Đề nghị

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05. Quyết định công nhận/ hủy bỏ công nhận giống

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH **Về việc công nhận/hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;

Căn cứ Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận/hủy bỏ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp (giống cây trồng lâm nghiệp mới chọn tạo, giống cây trồng lâm nghiệp mở rộng vùng trồng) do nghiên cứu chọn tạo/đề nghị.

- Tên giống cây trồng lâm nghiệp; mã số giống:
- Tác giả giống/ tác giả khảo nghiệm mở rộng/ trồng thử nghiệm:
- Những thông tin cơ bản của khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm:
- Điều kiện tự nhiên nơi khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm: Đặc điểm địa lý, khí hậu, đất đai:
- Biện pháp kỹ thuật lâm sinh cơ bản áp dụng cho khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm
- Năng suất, chất lượng:
- Vùng áp dụng đối với giống được công nhận:

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện sau công nhận giống/hủy bỏ công nhận:

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Giám đốc Trung tâm Khuyến Nông quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCLN.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Mẫu số 06. Văn bản đề nghị công nhận nguồn giống

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: /.....

V/v công nhận nguồn giống
cây trồng lâm nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... .., ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ kết quả xây dựng nguồn giống và tiêu chuẩn quốc gia về nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, chúng tôi làm văn bản này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và công nhận nguồn giống sau đây:

Tên chủ nguồn giống (tổ chức, cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số điện thoại/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống	- Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... - Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường, công ty, tổ chức khác: - Vĩ độ:Kinh độ:..... - Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống đề nghị công nhận: 1. Năm trồng: 2. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây uơm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 3. Sơ đồ bố trí cây trồng:	
1. Diện tích: 2. Chiều cao trung bình (m): 3. Đường kính trung bình ở vị trí 1.3m (m): 4. Đường kính tán cây trung bình (m): 5. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện tại (số cây/ha): 6. Tình hình ra hoa, kết quả (hạt): 7. Năng suất, chất lượng: 8. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	
Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):	

Loại hình nguồn giống đề nghị được công nhận:

- ☐ Vườn giống hữu tính
- ☐ Vườn giống vô tính
- ☐ Lâm phần tuyển chọn
- ☐ Rừng giống chuyển hóa
- ☐ Rừng giống trồng
- ☐ Cây trội
- ☐ Vườn cây đầu dòng

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07. Văn bản đề nghị hủy bỏ công nhận nguồn giống

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: /.....

V/v hủy bỏ công nhận nguồn
giống cây trồng lâm nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... .., ngày tháng năm 20...

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ kết quả đánh giá việc sử dụng nguồn giống cây trồng lâm nghiệp, chúng tôi làm văn bản này đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định và hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp như sau:

Tên chủ nguồn giống (tổ chức, cá nhân)	
Địa chỉ (Kèm số điện thoại/Fax/E-mail nếu có)	
Loài cây	1. Tên khoa học 2. Tên Việt Nam
Vị trí hành chính và địa lý của nguồn giống	- Tỉnh: ... Huyện: ... Xã: ... - Thuộc lô, khoảnh, tiểu khu, lâm trường, công ty, tổ chức khác: - Vĩ độ:Kinh độ:..... - Độ cao trên mặt nước biển:
Các thông tin chi tiết về nguồn giống đề nghị hủy bỏ công nhận: 1. Năm trồng: 2. Nguồn vật liệu giống trồng ban đầu (cây ươm từ hạt, cây ghép, cây giâm hom, cây nuôi cấy mô, xuất xứ, số cây trội được lấy hạt, số dòng vô tính): 3. Sơ đồ bố trí cây trồng:	
1. Diện tích: 2. Chiều cao trung bình (m): 3. Đường kính trung bình ở vị trí 1.3m (m): 4. Đường kính tán cây trung bình (m): 5. Cự ly trồng ban đầu và mật độ hiện tại (số cây/ha): 6. Tình hình ra hoa, kết quả (hạt): 7. Năng suất, chất lượng: 8. Tóm tắt các kết quả khảo nghiệm hoặc trồng thử bằng nguồn giống này (nếu có):	

Sơ đồ vị trí nguồn giống (nếu có):

Loại hình nguồn giống đề nghị hủy bỏ công nhận:

- ☐ Vườn giống hữu tính
- ☐ Vườn giống vô tính
- ☐ Lâm phần tuyển chọn
- ☐ Rừng giống chuyên hóa
- ☐ Rừng giống trồng
- ☐ Cây trội
- ☐ Vườn cây đầu dòng

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 08: Mẫu báo cáo kỹ thuật về nguồn giống

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.... .., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
KỸ THUẬT VỀ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

+ Nguồn gốc.

+ Tuổi trung bình hoặc năm trồng.

+ Nguồn vật liệu giống ban đầu.

+ Sơ đồ bố trí nguồn giống

+ Diện tích trồng.

+ Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.

+ Mật độ trồng (Cự ly trồng); Mật độ hiện tại.

+ Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.

+ Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Kết luận và đề nghị:

Kèm theo tài liệu minh chứng nguồn gốc vật liệu giống để xây dựng nguồn giống (trừ cây trội chọn từ cây phân tán và nguồn giống có nguồn gốc từ rừng tự nhiên).

Nơi nhận:

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 09: Mẫu báo cáo đánh giá nguồn giống đề nghị hủy bỏ

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
Số: /.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
.... .., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ NGUỒN GIỐNG ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ CÔNG NHẬN

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

2. Thông tin về nguồn giống:

- + Nguồn gốc.
- + Tuổi trung bình hoặc năm trồng.
- + Nguồn vật liệu giống ban đầu.
- + Sơ đồ bố trí nguồn giống
- + Diện tích trồng.
- + Các chỉ tiêu sinh trưởng: đường kính bình quân, chiều cao bình quân, đường kính tán.
- + Mật độ trồng (Cự ly trồng); Mật độ hiện tại.
- + Tình hình ra hoa kết quả, kết hạt.
- + Tóm tắt các biện pháp lâm sinh đã áp dụng: xử lý thực bì, bón phân, chăm sóc, tỉa thưa...

3. Đánh giá nguồn giống

(Tập trung đánh giá kết quả sử dụng đối với nguồn giống bị thoái hóa, suy giảm về năng suất, chất lượng so với tiêu chuẩn quốc gia về giống được công nhận hoặc không đáp ứng mục đích, yêu cầu của các tổ chức, cá nhân trồng rừng)

4. Kết luận và đề nghị:*Nơi nhận:*

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 10. Quyết định công nhận/hủy bỏ công nhận nguồn giống

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN
SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-..... Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận/hủy bỏ công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ;

Căn cứ Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận/hủy bỏ công nhận nguồn giống (chi tiết loài cây, diện tích, loại nguồn giống, mã số nguồn giống, địa điểm, thời hạn sử dụng, số lượng tối đa vật liệu giống có thể cung cấp trong 1 năm và chủ nguồn giống).

Điều 2. Trách nhiệm của chủ nguồn giống.

Điều 3. Chánh Văn phòng cơ quan thực hiện công nhận nguồn giống, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ nguồn giống chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT,

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên

Phụ lục III.

QUY ĐỊNH VỀ MÃ SỐ GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP VÀ NGUỒN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP ĐƯỢC CÔNG NHẬN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

A. Mã số giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận

Mã số giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận có 4 thành phần:

1. Thành phần thứ nhất:

Gồm các chữ cái đầu của tên loài bằng tiếng Việt (Ví dụ: Bạch đàn là BD; Keo lá tràm là KLT...). Trường hợp là cây lai thì lấy chữ cái đầu của tên loài bằng tiếng Việt và chữ cái tiếp theo là L (Ví dụ: Keo lai là KL; Bạch đàn lai là BDL).

2. Thành phần thứ hai:

Gồm 2 chữ cái viết in hoa biểu thị chữ cái đầu của tên địa danh cấp xã, nơi đã trồng khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm thành công giống cây trồng lâm nghiệp.

3. Thành phần thứ ba:

Gồm 2 chữ số cuối của năm công nhận giống cây trồng lâm nghiệp.

4. Thành phần thứ tư:

Gồm 2 chữ số, là số thứ tự của giống được công nhận theo trình tự thời gian.

Ví dụ:

1. Một giống Keo tai tượng đã được khảo nghiệm thành công tại Ba Vì (Hà Nội), được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá và công nhận đầu tiên vào năm 2018 sẽ có mã số như sau:

KTT.BV.18.01

2. Một cá thể cây lai giữa Tràm cừ và Tràm lá dài được tạo ra do lai giống nhân tạo giữa hai loài này, được trồng khảo nghiệm hoặc trồng thử nghiệm thành công lần đầu tại xã Long Đất (Long An) và được Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá, công nhận vào năm 2018 và theo thứ tự công nhận là thứ 4 sẽ có mã số như sau:

TL.LĐ.18.04

B – Mã số nguồn giống cây trồng lâm nghiệp được công nhận

1- Bảng quy định mã số các tỉnh:

TT	Vùng, Tỉnh	Mã số	TT	Vùng, Tỉnh	Mã số
I	VÙNG ĐÔNG BẮC		VI	VÙNG NAM TRUNG BỘ	
	Cao Bằng	01		Thành phố Đà Nẵng	33
	Bắc Kạn	02		Quảng Nam	34
	Lạng Sơn	03		Quảng Ngãi	35
	Bắc Giang	04		Bình Định	36
	Bắc Ninh	05		Phú Yên	37
	Quảng Ninh	06		Khánh Hòa	38
	Thành phố Hải Phòng	07		Ninh Thuận	39
II	VÙNG TRUNG TÂM			Bình Thuận	40
	Hà Giang	08	VII	VÙNG TÂY NGUYÊN	
	Lào Cai	09		Kon Tum	41
	Tuyên Quang	10		Gia Lai	42
	Yên Bái	11		Đắk Nông	43
	Thái Nguyên	12		Đắk Lắk	44
	Phú Thọ	13		Lâm Đồng	45
	Vĩnh Phúc	14	VIII	VÙNG ĐÔNG NAM BỘ	
III	VÙNG TÂY BẮC			Bình Phước	46
	Điện Biên	15		Tây Ninh	47
	Lai Châu	16		Bình Dương	48
	Sơn La	17		Thành phố Hồ Chí Minh	49
	Hòa Bình	18		Bà Rịa – Vũng Tàu	50
IV	VÙNG ĐB SÔNG HỒNG			Đồng Nai	51
	Thành phố Hà Nội	19	IX	VÙNG TÂY NAM BỘ	
	Hải Dương	20		Long An	52
	Hưng Yên	22		An Giang	53
	Hà Nam	23		Đồng Tháp	54
	Nam Định	24		Tiền Giang	55
	Ninh Bình	25		Vĩnh Long	56
	Thái Bình	26		Kiên Giang	57
V	VÙNG BẮC TRUNG BỘ			Hậu Giang	58
	Thanh Hóa	27		Cần Thơ	59
	Nghệ An	28		Bến Tre	60
	Hà Tĩnh	29		Trà Vinh	61
	Quảng Bình	30		Sóc Trăng	62
	Quảng Trị	31		Bạc Liêu	63
	Thừa Thiên – Huế	32		Cà Mau	64

2- Bảng quy định mã số loại hình nguồn giống:

Loại hình	Mã số	Loại hình	Mã số
Lâm phần tuyển chọn	T	Vườn giống hữu tính	H
Rừng giống chuyển hóa từ rừng tự nhiên	N	Vườn giống vô tính	V
Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng	C	Cây trội	M
Rừng giống trồng	R	Vườn cây đầu dòng	D

3- Quy định cách lập mã số nguồn giống:

Mã số nguồn giống trong cả nước được lập theo quy định sau:

Mã số gồm 1 chữ cái và 4 chữ số

- Chữ cái biểu thị loại hình nguồn giống (8 loại hình). Mã số loại hình nguồn giống được ghi theo khoản 2 mục B phụ lục này.

- 2 số tiếp theo biểu thị mã số tỉnh nơi có nguồn giống. Mã số của tỉnh được ghi theo khoản 1 mục B phụ lục này.

- 2 chữ số cuối cùng biểu thị số thứ tự nguồn giống được công nhận theo trình tự thời gian.

Ví dụ:

1. Vườn giống vô tính loài cây Sứ tại Lâm trường Nghĩa Đàn tỉnh Nghệ An là nguồn giống thứ 18 được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

V.28.18

2. Rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng loài cây Trám trắng của Lâm trường Thạch Thành tỉnh Thanh Hóa là nguồn giống thứ 5 được Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thanh Hóa thẩm định và công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

C.27.05

3. Vườn cung cấp hom giống cây Keo lai BV10 của Trung tâm giống Nông lâm nghiệp tỉnh Bình Định là nguồn giống thứ 2 được Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định tổ chức thẩm định và công nhận sẽ được cấp mã số như sau:

D.36.02